

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2019.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn giữa bà
H và ông H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh.

Ông Mai Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

Cư trú tại: Đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Trương Đình H, sinh năm 1972.

Cư trú tại: Đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đ và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trương Đình H chung sống với nhau từ năm 1994, không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng sống tại thôn N,

xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 1999 thì vợ chồng chuyển vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm ăn sinh sống. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, ông Trương Đình H, thường xuyên uống rượu về chửi bới, xúc phạm đánh đập bà, vì các con bà cố chịu đựng, bà khuyên bảo nhưng ông H không thay đổi, bà phải nhờ Công an Phường D, thành phố Đ can thiệp. Hiện nay tuy sống một nhà nhưng ly thân nhau, không còn trách nhiệm, quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Trương Đình H, tình cảm vợ chồng cũng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Trương Đình H được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Thị T, sinh ngày 12/02/1994 và Trương Đình T, sinh ngày 06/01/1996 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai tại Tòa án thành phố Đ và quá trình tố tụng bị đơn ông Trương Đình H trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H như lời bà H trình bày về việc kết hôn là đúng. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng sống tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 1999 thì vợ chồng chuyển vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm ăn sinh sống. Sau khi vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian (ông không nhớ năm) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng quan điểm, lối sống, trong làm ăn kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi vã và bà H bỏ nhà đi khoảng 5 tháng sau đó trở về thì cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc bình thường. Đến đầu năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai mẹ con bà H tự ý thuê nhà ở đường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nuôi chó mà không trao đổi, bàn bạc với ông. Vợ đi đâu, làm gì thì ông không biết chỉ thấy hai ngày mới về nhà một lần, hỏi đi đâu thì nói là đi về với con. Năm 2019 khi vợ chồng mua nhà có vay Ngân hàng 100.000.000 đồng, năm 2018 phải trả 60.000.000 đồng. Năm 2019 phải trả nốt số tiền 40.000.000 đồng, nhưng đến hạn trả Ngân hàng thì bà H bỏ về Huế nên ông phải trả nợ Ngân hàng dù trước đó ông có nói bà H sắp đến hạn trả nợ Ngân hàng để bà H hốt huê trả nợ, ông bức xúc nên có đánh bà H mấy cái, có chửi thề, xúc phạm bà H nhưng chỉ vì bức xúc. Công an Phường D, thành phố H có đến làm việc, hỏi ông có đăng ký kết hôn với bà H không, ông nói vợ chồng không đăng ký kết hôn nên Công an nói ông vào ngủ không gây chuyện nữa. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung một nhà, vẫn ăn uống chung. Nay bà H yêu cầu ly hôn, sau khi nghe Tòa án giải thích giữa ông và bà H không đăng ký kết hôn nên không thể thuận tình ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Thị T, sinh ngày 12/02/1994 và Trương Đình T, sinh ngày 06/01/1996 đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà các đương sự không yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu nào khác.

Tại phiên Tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Đình H. Về con chung các con đã trưởng thành nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung không có tranh chấp nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với Trương Đình H, có địa chỉ tại đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố H tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Đình H chung sống với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Đình H là không tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân này không có giá trị pháp lý. Theo các tài liệu thể hiện tại hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, đánh đập nhau, vợ chồng hiện ở một nhà nhưng sống ly thân không còn trách nhiệm gì với nhau. Theo Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Đình H, để bảo đảm quyền nhân thân cho bà H và ông H căn cứ vào điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Đình H.

[3] Về con chung: Giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trương Đình H có 02 con chung tên Trương Thị T, sinh ngày 12/02/1991 và Trương Đình T, sinh ngày 06/01/1996 đều đã trưởng thành nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 8,9,53 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014
- Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trương Đình H.

2- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0001242 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

3- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Trương Đình H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận;

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp.H;
- Chi cục THADS tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga

.